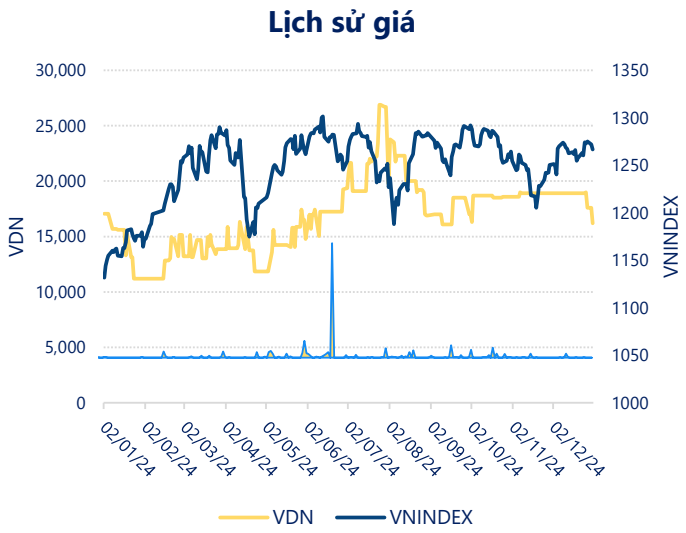
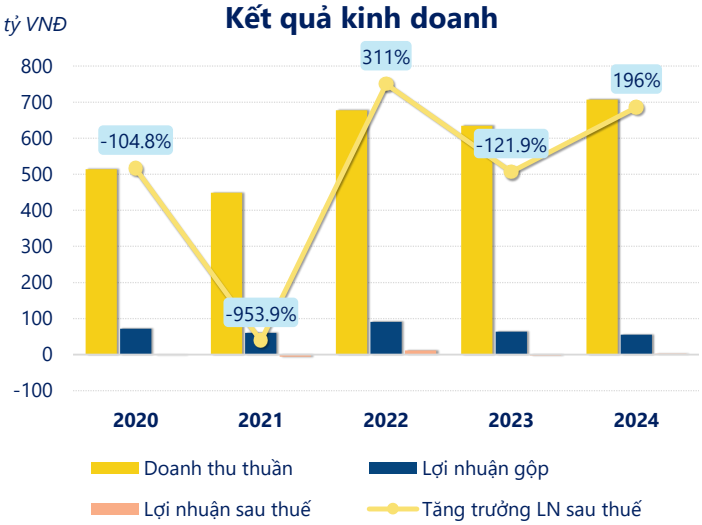
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	16,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

	2024	YoY
DT thuần	707 *tỷ VNĐ*	▲ 73.0 ▲ 11.4%
LN gộp	55.5 *tỷ VNĐ*	▼ 7.70 ▼ 12.3%
LN thuần	-0.47 *tỷ VNĐ*	▼ 2.46 ▼ 124%
LN sau thuế	2.42 *tỷ VNĐ*	▲ 4.94 ▲ 196%

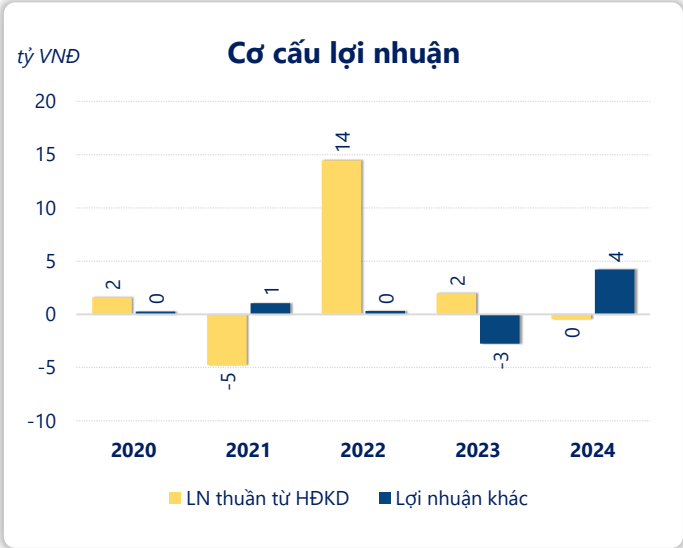
	2024	+/- YoY
ROE	8.1%	▲ 3.0%
ROA	1.3%	▲ 0.4%

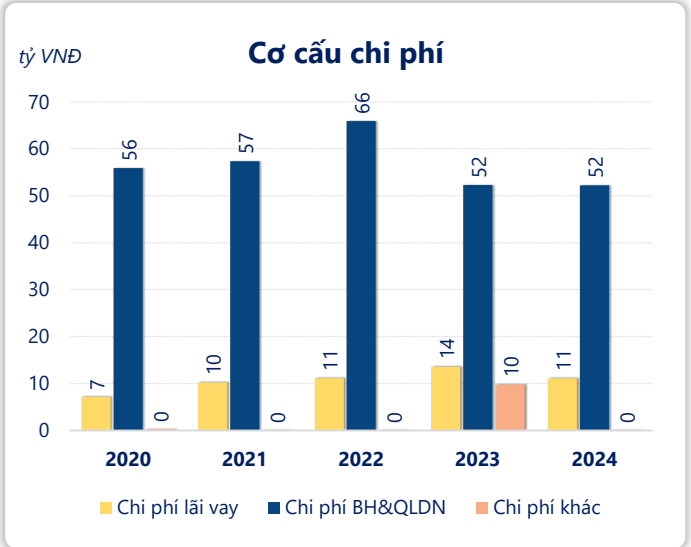




Kết quả kinh doanh **VDN** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 11.4%** đạt **706.6** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 196%** đạt **2.42** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **8.10%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

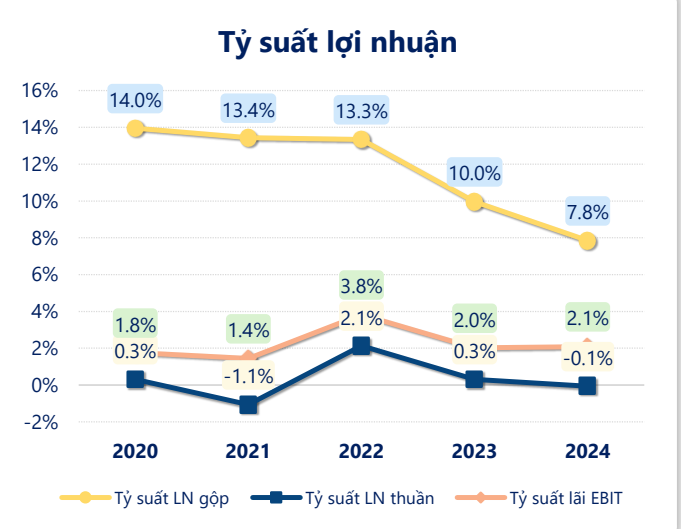


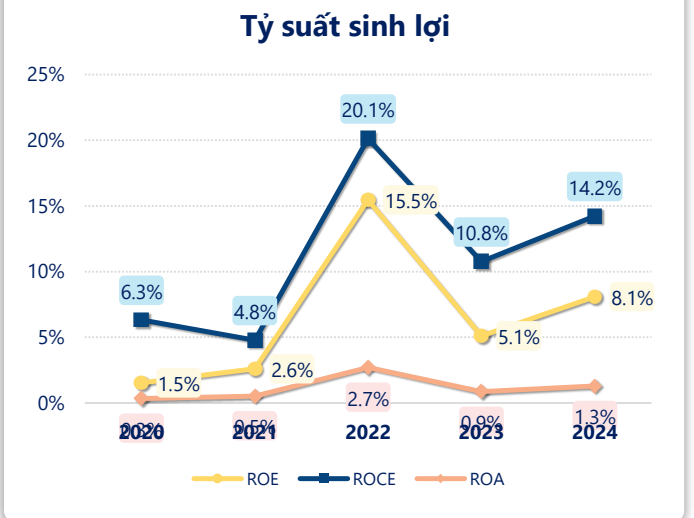


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VDN** năm **2024 giảm đi 2.47** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 0.47 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2021** là 4.77 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

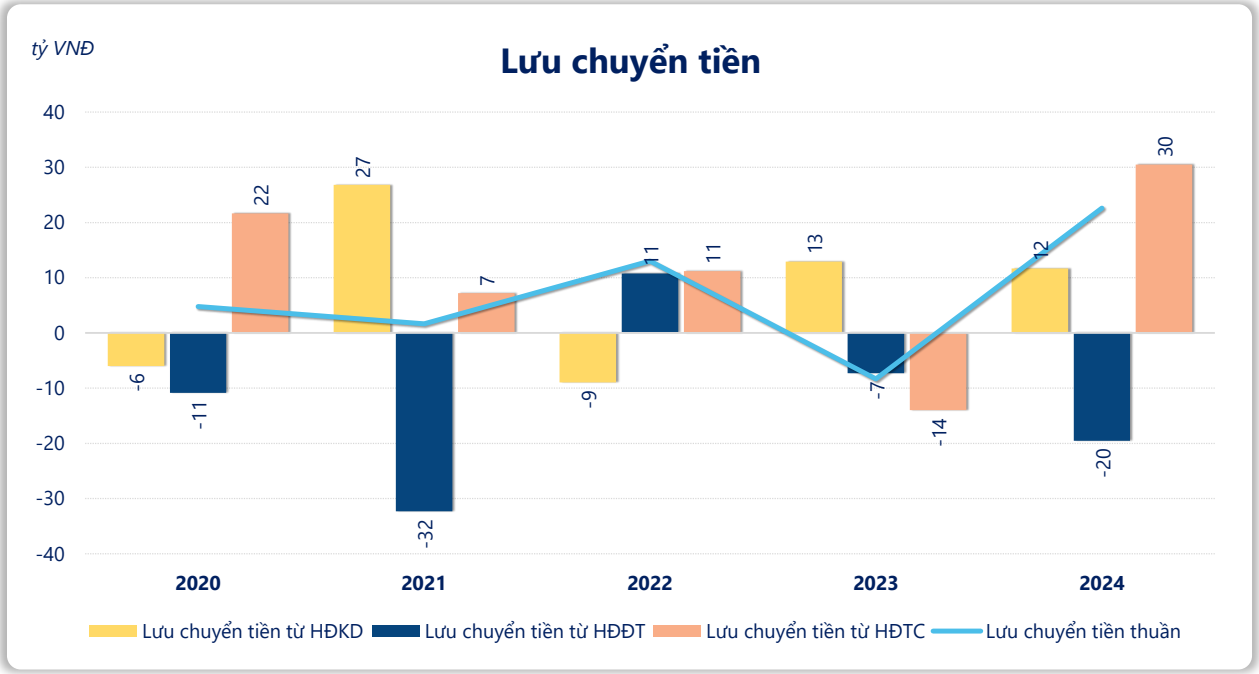
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **11.06** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **52.21** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.11** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VDN năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **8.10%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**514**	**449**	**678**	**634**	**707**
Giá vốn hàng bán	442	389	587	571	651
Lợi nhuận gộp	**71.7**	**60.3**	**90.4**	**63.2**	**55.5**
Doanh thu HĐTC	4.34	4.18	9.54	9.08	9.96
Chi phí TC	9.23	12.4	21.2	18.2	15.4
Chi phí lãi vay	**7.15**	**10.2**	**11.2**	**13.6**	**11.1**
LN trong công ty LKLD	-9.27	0.51	1.68	0.13	1.71
Chi phí bán hàng	42.5	41.5	46.5	33.1	35.1
Chi phí QLDN	13.4	15.9	19.4	19.2	17.1
LN thuần từ HĐKD	**1.60**	**-4.77**	**14.5**	**1.99**	**-0.47**
Lợi nhuận khác	0.27	1.06	0.31	-2.75	4.21
LN trước thuế	**1.88**	**-3.71**	**14.8**	**-0.76**	**3.74**
Lợi nhuận sau thuế	**-0.52**	**-5.47**	**11.5**	**-2.52**	**2.42**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.28**	**2.01**	**11.9**	**3.94**	**5.80**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VDN bằng **22.60** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-8.33 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **11.65** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-19.54** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **30.49** tỷ đồng.